

Số: **2587**/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày **28** tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bản hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục
tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng thẩm phán của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định trách nhiệm, thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2901/QĐ-TCHQ ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Ban hành Bản hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC (5).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Kiều Ngọc Anh

**Bản Hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục
tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2587/QĐ-TCHQ** ngày **28** tháng 7
□ năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Phần I
HƯỚNG DẪN CHUNG

I. PHẠM VI HƯỚNG DẪN, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Phạm vi hướng dẫn

Bản Hướng dẫn này hướng dẫn các trình tự, thủ tục tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan với tư cách là người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính mà đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan.

2. Nguyên tắc thực hiện

Việc cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan (sau đây gọi chung là cơ quan Hải quan) tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án với tư cách là người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện thống nhất theo nguyên tắc, thủ tục, trình tự, thẩm quyền đã được quy định tại Luật tố tụng hành chính ngày 08 tháng 12 năm 2015 (dưới đây gọi tắt là Luật TTHC), Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính, công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến tố tụng hành chính và hướng dẫn tại văn bản này.

II. ĐỐI TƯỢNG KHỞI KIẾN, THỜI HIỆU KHỞI KIẾN, NGƯỜI BỊ KIẾN

1. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính

Đối tượng khởi kiện để Tòa án giải quyết vụ án hành chính thuộc lĩnh vực hải quan là quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan.

a) Quyết định hành chính của cơ quan Hải quan thuộc đối tượng khởi kiện là văn bản được thể hiện dưới hình thức quyết định hoặc dưới hình thức khác như thông báo, kết luận, công văn do cơ quan Hải quan hoặc người có thẩm quyền của cơ quan Hải quan ban hành, có chứa đựng nội dung của quyết

định hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hải quan, bao gồm:

a.1) Quyết định hành chính được cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan ban hành trong khi giải quyết, xử lý những việc cụ thể trong lĩnh vực hải quan.

a.2) Quyết định hành chính được ban hành sau khi có khiếu nại và có nội dung giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính nêu tại Điểm a.1, Khoản này.

Trong lĩnh vực hải quan, một số quyết định hành chính sau của cơ quan Hải quan có thể là đối tượng khởi kiện: Quyết định ấn định thuế; quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong lĩnh vực hải quan; quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan; quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính; quyết định cưỡng chế; quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định hành chính được ban hành sau khi có khiếu nại và có nội dung giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính...

Những văn bản sau không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Những văn bản thông báo của cơ quan Hải quan trong việc yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức bổ sung, cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết, xử lý vụ việc cụ thể theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức đó; quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan Hải quan, gồm những quyết định, hành vi quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi cơ quan Hải quan.

b) Hành vi hành chính của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan thuộc đối tượng khởi kiện là hành vi của cơ quan Hải quan hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Để xác định hành vi hành chính khi nào là của cơ quan Hải quan, khi nào của người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan hoặc xác định khi nào thực hiện, khi nào là không thực hiện nhiệm vụ, công vụ phải căn cứ vào quy định của pháp luật về thẩm quyền, thời hạn thực hiện đối với nhiệm vụ, công vụ đó theo hướng dẫn nêu tại Điểm a, Khoản 4, Mục này.

Trong lĩnh vực hải quan, một số hành vi sau đây có thể là đối tượng bị khởi kiện: Không giải quyết thông quan hàng hóa khi hàng hóa đủ điều kiện thông quan theo quy định; kiểm tra thực tế hàng hóa quá thời gian quy định...

2. Các trường hợp bị khởi kiện vụ án hành chính

a) Cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan có thể bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình trong các trường hợp sau:

a.1) Cá nhân, cơ quan, tổ chức không đồng ý với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan;

a.2) Cá nhân, cơ quan, tổ chức đã khiếu nại (lần đầu hoặc lần hai) với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại đó.

b) Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Trong trường hợp này các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật về tố tụng dân sự được áp dụng để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Thiệt hại trong trường hợp này là thiệt hại thực tế do có quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Trường hợp người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến yêu cầu giải quyết bồi thường; chứng minh về thiệt hại thực tế đã xảy ra. Trường hợp cần thiết Tòa án có thể thu thập thêm chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác.

Trường hợp trong vụ án hành chính có yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chưa có điều kiện để chứng minh thì Tòa án có thể tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

3. Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính

Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính là 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính;

b) Thời hiệu khởi kiện trong trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại được quy định như sau:

b.1) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

b.2) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại

c) Để xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện cần căn cứ vào đối tượng bị tác động trực tiếp của quyết định hành chính, hành vi hành chính và phân biệt như sau:

c.1) Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức bị tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính và họ là đối tượng được nhận quyết định thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ ngày họ nhận được quyết định hành chính (được giao trực tiếp, được nhận qua nhân viên bưu điện, qua chính quyền địa phương hoặc những người khác theo quy định của pháp luật);

c.2) Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải là đối tượng bị tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính và họ không phải là đối tượng được nhận quyết định và thực tế là họ không nhận được quyết định đó thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ ngày họ biết được quyết định đó;

c.3) Trường hợp đối tượng bị kiện là hành vi của cơ quan Hải quan hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ ngày hành vi hành chính đó được thực hiện (nếu cá nhân, cơ quan, tổ chức đã chứng kiến việc thực hiện hành vi hành chính đó) hoặc kể từ ngày được thông báo về thời điểm hành vi hành chính đó đã được thực hiện (nếu cá nhân, cơ quan, tổ chức không chứng kiến việc thực hiện hành vi hành chính đó nhưng họ đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo về thời điểm hành vi hành chính đó đã được thực hiện) hoặc kể từ ngày biết được hành vi hành chính đó (nếu cá nhân, cơ quan, tổ chức không chứng kiến việc thực hiện hành vi hành chính đó và cũng không được cơ quan có thẩm quyền thông báo về thời điểm hành vi hành chính đó đã được thực hiện, nhưng họ đã biết được hành vi hành chính đó qua các thông tin khác như được người khác kể lại);

c.4) Trường hợp đối tượng khởi kiện là hành vi của cơ quan Hải quan hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ ngày hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà cơ quan Hải quan hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác làm cho người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy định trên thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hiệu khởi kiện.

Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là khoảng thời gian xảy ra một trong các sự việc sau đây: thiên tai, địch họa, nhu cầu chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước làm cho chủ thể có quyền khởi kiện không thể khởi kiện trong phạm vi thời hiệu khởi kiện; chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; chưa có người đại diện khác thay thế hoặc vì lý do chính đáng khác mà không thể tiếp tục đại diện được trong trường hợp người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chết.

4. Xác định người bị kiện trong vụ án hành chính

a) Theo quy định của Luật TTHC thì cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện là người bị kiện. Để xác định đúng người bị kiện khi nào là người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan (cá nhân), khi nào là cơ quan Hải quan (cơ quan, tổ chức) thì phải căn cứ vào quy định của pháp luật về thẩm quyền giải

quyết vụ việc đó. Trường hợp có nhiều luật cùng quy định thẩm quyền ra quyết định hành chính hoặc thực hiện hành vi hành chính về một lĩnh vực quản lý thì việc xác định thẩm quyền của người bị kiện khi nào là cá nhân, khi nào là cơ quan, tổ chức phải căn cứ vào luật chuyên ngành. Cụ thể:

a.1) Trường hợp theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể là của cơ quan Hải quan; pháp luật không quy định cụ thể thuộc trách nhiệm của người nào nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ quan Hải quan phân công, ủy quyền, ủy nhiệm cho một người thực hiện thì hành vi đó là hành vi hành chính của cơ quan Hải quan mà không phải là hành vi hành chính của người trong cơ quan Hải quan đã được phân công, ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện hành vi đó;

a.2) Trường hợp theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể là của người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan (ví dụ: Cục trưởng, Chi cục trưởng) thì việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể đó là hành vi hành chính của người có thẩm quyền; không phụ thuộc vào việc họ trực tiếp thực hiện hoặc phân công, ủy quyền, ủy nhiệm cho người khác thực hiện;

a.3) Trường hợp theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể là của cơ quan Hải quan; nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà cơ quan Hải quan không tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó là hành vi hành chính của cơ quan Hải quan; không phụ thuộc vào việc nhiệm vụ, công vụ đó đã được cơ quan Hải quan phân công, ủy quyền, ủy nhiệm cho người cụ thể nào trong cơ quan Hải quan;

a.4) Trường hợp theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể là của người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan; nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà người có thẩm quyền không thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó thì hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó là của người có thẩm quyền; không phụ thuộc vào việc họ đã phân công, ủy quyền, ủy nhiệm cho người khác thực hiện.

b) Người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan là người có chức vụ, chức danh cụ thể và theo quy định của pháp luật thì người có chức vụ, chức danh đó có thẩm quyền ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính.

c) Việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính trong một số trường hợp sáp nhập, chia, tách giải thể cơ quan Hải quan được giải quyết như sau:

c.1) Trường hợp người bị kiện là người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan mà cơ quan Hải quan đó hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể thì người tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của người đó tham gia tố tụng;

c.2) Trường hợp người bị kiện là người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan mà chức danh đó không còn thì người đứng đầu cơ quan Hải quan đó thực hiện quyền, nghĩa vụ của người bị kiện;

c.3) Trường hợp người bị kiện là cơ quan Hải quan bị hợp nhất, sáp nhập, chia tách thì cơ quan Hải quan kế thừa quyền, nghĩa vụ của cơ quan Hải quan cũ thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của cơ quan Hải quan đó;

c.4) Trường hợp người bị kiện là cơ quan Hải quan đã giải thể mà không có người kế thừa quyền, nghĩa vụ thì cơ quan Hải quan cấp trên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người bị kiện.

5. Xác định thẩm quyền giải quyết trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện

a) Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức vừa có đơn khiếu nại đến cơ quan Hải quan, vừa có đơn khởi kiện tại Tòa án thì thẩm quyền giải quyết theo sự lựa chọn của cá nhân, cơ quan, tổ chức (người khởi kiện phải lập thành văn bản thông báo cho Tòa án hoặc Tòa án lập biên bản về việc lựa chọn của người khởi kiện). Cụ thể từng trường hợp như sau:

a.1) Nếu người khởi kiện lựa chọn Tòa án giải quyết thì theo yêu cầu của Tòa án, cơ quan Hải quan thực hiện việc chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại cho Tòa án;

a.2) Nếu người khởi kiện lựa chọn cơ quan Hải quan giải quyết khiếu nại thì cơ quan Hải quan giải quyết theo thẩm quyền.

Các quy định trên cũng được áp dụng đối với trường hợp nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức vừa khởi kiện tại Tòa án, vừa có đơn khiếu nại đến cơ quan Hải quan và tất cả mọi người đều lựa chọn một trong hai cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

b) Trường hợp quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến nhiều người, mà những người đó vừa khởi kiện tại Tòa án vừa khiếu nại đến cơ quan Hải quan, trong đó có người lựa chọn Tòa án giải quyết và có người lựa chọn khiếu nại đến cơ quan Hải quan hoặc trường hợp có người chỉ khởi kiện hành chính tại Tòa án và người khác chỉ khiếu nại đến cơ quan Hải quan thì giải quyết như sau:

b.1) Nếu quyền lợi của người khởi kiện và người khiếu nại độc lập với nhau thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết yêu cầu của người khởi kiện còn cơ quan Hải quan sẽ giải quyết yêu cầu của những người khiếu nại.

b.2) Nếu quyền lợi của người khởi kiện và người khiếu nại không độc lập với nhau thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết, cơ quan Hải quan chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại cho Tòa án.

III. NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Người tham gia tố tụng hành chính

Người tham gia tố tụng hành chính là những cá nhân hay tổ chức tham gia vào việc giải quyết vụ án hành chính với tư cách là cá nhân hay tổ chức độc lập, có những quyền và nghĩa vụ nhất định, thực hiện các hành vi tố tụng trong quá trình Tòa án xem xét, giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp

luật tố tụng hành chính. Người tham gia tố tụng hành chính bao gồm hai nhóm: nhóm đương sự và nhóm những người tham gia tố tụng khác.

Nhóm đương sự bao gồm đương sự (người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) và người đại diện hợp pháp của đương sự.

Nhóm những người tham gia tố tụng khác bao gồm, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

a) Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính tại Tòa án có thẩm quyền.

b) Người bị kiện là cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện.

c) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, cơ quan, tổ chức tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án hành chính có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ tự mình yêu cầu hoặc được đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận hoặc được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

d) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

đ) Người làm chứng là người biết các tình tiết có liên quan đến nội dung vụ án được đương sự đề nghị và Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

e) Người giám định là người có kiến thức, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của pháp luật về lĩnh vực có đối tượng cần được giám định, được các bên đương sự thỏa thuận lựa chọn hoặc được Tòa án trưng cầu để giám định đối tượng đó theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự.

g) Người phiên dịch là người có khả năng dịch từ một ngôn ngữ khác ra tiếng Việt và ngược lại trong trường hợp có người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt. Người phiên dịch được một bên đương sự lựa chọn hoặc các bên đương sự thỏa thuận lựa chọn và được Tòa án chấp nhận hoặc được Tòa án yêu cầu để phiên dịch.

2. Quyền, nghĩa vụ của người bị kiện khi tham gia tố tụng hành chính

a) Liên quan đến chứng cứ và chứng minh, người bị kiện có quyền và nghĩa vụ:

a.1) Cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

a.2) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình để giao nộp cho Tòa án;

a.3) Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án mà tự mình không thực hiện được (cơ quan Hải quan khi yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ phải làm văn bản ghi rõ vấn đề cần chứng minh, chứng cứ

cần thu thập, lý do không thu thập được chứng cứ); đề nghị Tòa án buộc bên đương sự khác xuất trình tài liệu, chứng cứ mà họ đang lưu giữ quản lý; đề nghị Tòa án ra quyết định buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý chứng cứ cung cấp chứng cứ;

a.4) Đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trung cầu giám định, định giá tài sản;

a.5) Được biết, ghi chép và sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập (trừ tài liệu, chứng cứ không được công khai theo quy định tại Khoản 2, Điều 96 Luật TTHC);

a.6) Đề nghị Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và tham gia phiên họp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án;

b) Các quyền, nghĩa vụ khác, bao gồm:

b.1) Được Tòa án thông báo về việc bị kiện;

b.2) Tham gia phiên tòa, phiên họp;

b.3) Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình;

b.4) Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;

b.5) Đề nghị Tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng;

b.6) Đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với Tòa án những vấn đề cần hỏi với người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng;

b.7) Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng;

b.8) Chứng minh tính đúng đắn, hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện;

b.9) Kháng cáo, khiếu nại bản án, quyết định của Tòa án;

b.10) Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

b.11) Đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án;

b.12) Tự bảo vệ, nhờ luật sư hoặc người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;

b.13) Được cấp trích lục bản án, bản án, quyết định của Tòa án;

b.14) Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành các quyết định của Tòa án trong thời gian giải quyết vụ án;

b.15) Tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa;

b.16) Nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

b.17) Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

b.18) Sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện;

b.19) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Trường hợp cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan tham gia tố tụng hành chính với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì có các quyền, nghĩa vụ như nêu tại Khoản 2 Mục này, trừ quy định tại điểm b.8 và b.18.

4. Người đại diện tham gia tố tụng hành chính

Người đại diện trong tố tụng hành chính bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền.

a) Đại diện theo pháp luật

Đối với cơ quan Hải quan thì đại diện theo pháp luật là người đứng đầu cơ quan Hải quan đó. Đại diện theo pháp luật trong tố tụng hành chính thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của cơ quan Hải quan mà mình là đại diện với tư cách là đương sự trong vụ án hành chính.

b) Đại diện theo ủy quyền

b.1) Trường hợp người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan (trừ trường hợp là người đứng đầu đơn vị) với tư cách là đương sự nếu không tham gia tố tụng được thì có thể ủy quyền cho người khác có kinh nghiệm, hiểu biết pháp luật và có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ hải quan liên quan đến nội dung vụ án, có khả năng trình bày rõ ràng, mạch lạc và logic để đại diện cho mình tham gia tố tụng.

Các trường hợp không được ủy quyền: người không có quốc tịch Việt Nam; là cán bộ, công chức trong ngành Tòa án, Kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án, công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an; là đương sự trong cùng một vụ án mà quyền và lợi ích hợp pháp đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện; là người đại diện cho một đương sự khác mà quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện trong cùng một vụ án.

Ngoài ra không nên ủy quyền cho người giám định, người phiên dịch trong vụ án đó; người thân thích với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên đang tham gia giải quyết vụ án bởi lý do nếu họ làm đại diện thì những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trên sẽ phải từ chối không tham gia giải quyết vụ án hoặc bị thay đổi. Điều này sẽ gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

b.2) Trường hợp người bị kiện là cơ quan Hải quan hoặc người đứng đầu cơ quan Hải quan, nếu không thể tham gia tố tụng được thì chỉ được ủy quyền cho cấp phó của mình đại diện tham gia tố tụng.

b.3) Người đại diện theo ủy quyền phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, được đương sự hoặc người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền bằng văn bản.

Người đại diện theo ủy quyền phải tham gia vào quá trình giải quyết toàn bộ vụ án, thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của người ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

a) Người bị kiện có quyền xem xét, nhờ một hoặc một số người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

b) Những người sau đây được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện khi có yêu cầu của người bị kiện và được Tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

b.1) Luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư;

b.2) Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có kiến thức pháp lý, chưa bị kết án hoặc bị kết án nhưng đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an.

Khi nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, người bị kiện phải lập giấy yêu cầu luật sư hoặc giấy yêu cầu người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

c) Khi đề nghị Tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người đề nghị phải xuất trình các giấy tờ sau đây:

c.1) Luật sư phải xuất trình các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Luật sư;

c.2) Công dân Việt Nam xuất trình giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và giấy tờ tùy thân.

Sau khi kiểm tra giấy tờ và thấy người đề nghị có đủ điều kiện làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Tòa án vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện. Trường hợp từ chối đăng ký thì Tòa án sẽ thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trường hợp thuê luật sư, thuê người không phải là công chức Hải quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cơ quan Hải quan thì phải thực hiện bằng hợp đồng, trong đó quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan.

Kinh phí để thuê luật sư hay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được lấy từ nguồn chi nghiệp vụ thường xuyên, theo chế độ quy định.

6. Quyền, nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng hành chính;

b) Thu thập tài liệu, chứng cứ và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, trừ tài liệu, chứng cứ không được công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 96 của Luật Tố tụng hành chính;

c) Tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc trong trường hợp không tham gia thì được gửi văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cho Tòa án xem xét;

d) Thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác theo quy định của Luật TTHC;

đ) Giúp đương sự về mặt pháp lý liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; thay mặt đương sự nhận giấy tờ, văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt hoặc thông báo trong trường hợp được đương sự ủy quyền và có trách nhiệm chuyển cho đương sự;

e) Các quyền, nghĩa vụ quy định tại các điểm a.2; b.7; b.14; b.15 Khoản 2 Mục 2 Phần I Bản hướng dẫn;

g) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Phần II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THAM GIA TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

I. CHUẨN BỊ THAM GIA PHIÊN TÒA

1. Xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính

Sau khi nhận được văn bản thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, cơ quan Hải quan cần xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện để củng cố các chứng cứ, lập luận để tham gia tố tụng nếu cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình là đúng hoặc quyết định việc sửa đổi, hủy bỏ quyết định hành chính đã ban hành, dừng, khắc phục hành vi hành chính đã thực hiện nếu thấy lý do, yêu cầu của người khởi kiện là phù hợp. Theo đó có thể thực hiện một số công việc sau:

a) Đề nghị Tòa án cho đọc, ghi chép, sao chụp đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do đương sự khác cung cấp hoặc do Tòa án thu thập để tìm lý do, nguyên nhân khởi kiện, yêu cầu của người khởi kiện; xác định tư cách người khởi kiện (ai kiện), tư cách người bị kiện (là cá nhân hay cơ quan); kiện về vấn đề gì (để xác định đối tượng bị khởi kiện), xem xét về thời hiệu khởi kiện;

b) Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành để xem xét, xác định các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện có hợp pháp không, tập trung vào các nội dung sau:

b.1) Cơ sở, căn cứ pháp lý để cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính.

b.2) Việc cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính có đúng thẩm quyền không?

b.3) Cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan khi ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính có thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu không?

b.4) Hình thức quyết định hành chính mà cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan ban hành có đúng quy định không?

b.5) Nội dung của quyết định hành chính đã ban hành có cơ sở pháp lý, phù hợp với các căn cứ được viện dẫn tại quyết định hay không?

b.6) Kiểm tra lại các tài liệu, luận cứ của người khởi kiện, xem xét lại toàn bộ các căn cứ pháp lý, các tình tiết liên quan khác làm cơ sở giải quyết vụ việc.

c) Căn cứ vụ việc cụ thể, cơ quan Hải quan có thể thành lập Tổ (Nhóm) theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 3 Mục này để xem xét, đánh giá tổng thể vụ việc, tham mưu cho người bị kiện có quan điểm về tính hợp pháp, hợp lệ của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện.

2. Thu thập, giao nộp chứng cứ

a) Cơ quan Hải quan cần nghiên cứu, áp dụng các quyền nêu tại các khoản 2, 3, 6, Mục II, Phần I Bản Hướng dẫn này để:

a.1) Thu thập đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phát sinh tại các khâu nghiệp vụ hải quan; các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính;

a.2) Thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án do các đương sự khác giao nộp cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập được;

a.3) Thu thập các tài liệu, chứng cứ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có).

Việc thu thập tài liệu, chứng cứ được thực hiện thông qua các biện pháp quy định tại Khoản 1, Điều 84 Luật TTHC. Các tài liệu, chứng cứ được sắp xếp theo trật tự nhất định đảm bảo dễ tra cứu, thuận lợi cho việc trích dẫn, sử dụng.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ mà mình có để Tòa án xem xét, sử dụng để giải quyết vụ án. Cụ thể:

b.1) Các tài liệu, chứng cứ cần cung cấp gồm:

- Bản sao các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan là cơ sở pháp lý cho cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính;

- Các bản sao quyết định hành chính, bản sao quyết định giải quyết khiếu nại (nếu có) và bản sao các văn bản, tài liệu trong hồ sơ giải quyết vụ việc, hồ sơ giải quyết khiếu nại, các kết luận của cơ quan chuyên ngành... mà căn cứ vào đó để ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính.

b.2) Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án được lập thành biên bản. trong biên bản ghi rõ tên gọi, hình thức, nội dung, đặc điểm của tài liệu, chứng cứ; số bản, số trang của tài liệu, chứng cứ, chữ ký của người giao, người nhận có đóng dấu của Tòa án, người giao chứng cứ được nhận một bản;

b.3) Thời hạn giao nộp tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ấn định, nhưng không vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm;

b.4) Nếu sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, cơ quan Hải quan mới giao nộp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã yêu cầu giao nộp trước đó thì phải chứng minh lý do của việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ. Nếu lý do chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ là chính đáng thì Hội đồng xét xử chấp nhận việc giao nộp tài liệu, chứng cứ đó; nếu không chấp nhận việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ đó thì phải lập luận việc không chấp nhận tài liệu, chứng cứ đó trong bản án, quyết định của Tòa án.

Đối với tài liệu, chứng cứ mà trước đó Tòa án không yêu cầu phải giao, nộp hoặc tài liệu, chứng cứ mà cơ quan Hải quan không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thì cơ quan Hải quan có quyền giao, nộp, trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

3. Chuẩn bị phương án tham gia tố tụng

a) Cơ quan Hải quan cần tổ chức nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ; xác định rõ nội dung vụ việc; căn cứ ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính; các lý lẽ, yêu cầu của người khởi kiện để chuẩn bị các luận cứ, lập luận bảo vệ.

b) Chuẩn bị đề cương cho từng thủ tục tại phiên tòa. Cụ thể:

b.1) Đề cương cho phần trình bày tại phiên tòa: Chuẩn bị nội dung trình bày ý kiến của cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan về yêu cầu của người khởi kiện; nêu yêu cầu, đề nghị của mình và các lập luận để chứng minh yêu cầu đó là có căn cứ;

b.1) Đề cương cho phần xét hỏi: Chuẩn bị các câu hỏi nhằm làm rõ thêm bản chất của vụ việc, tập trung vào những vấn đề có lợi cho người bị kiện, làm bộc lộ sai sót, vi phạm của người khởi kiện. Dự kiến các tình huống có thể xảy ra để chuẩn bị câu hỏi cho từng tình huống và dự kiến các câu trả lời;

b.2) Đề cương cho phần tranh luận: Chuẩn bị các nội dung chính sẽ tranh luận tại tòa; chuẩn bị luận điểm về diễn biến sự việc, tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện; đánh dấu các đoạn trong văn bản quy phạm pháp luật cần viện dẫn tại phần tranh luận. Dự kiến các tình huống thay đổi tại phiên tòa và các ứng xử trong từng tình huống.

c) Căn cứ nội dung vụ việc cụ thể, cơ quan Hải quan có thể thành lập Tổ (Nhóm) tư vấn để xem xét, đánh giá tổng thể vụ kiện, đưa ra luận cứ làm cơ sở cho việc tranh tụng tại Tòa án; lựa chọn các công chức Hải quan có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ, có kỹ năng diễn đạt, thuyết trình, tranh luận lưu loát làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc thành lập Tổ (Nhóm) tư vấn, cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp do đơn vị chịu trách nhiệm về nghiệp vụ bị khiếu kiện chủ trì đề xuất thành phần, phân công trách nhiệm của từng thành viên trong từng hoạt động tố tụng trên cơ sở tránh nhiệm của đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia theo nội dung hướng dẫn tại điểm 2 Phần IV Bản Hướng dẫn này.

4. Chuẩn bị ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, cơ quan Hải quan với tư cách là người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo hoặc yêu cầu độc lập (nếu có). Nếu xét thấy không thể giải trình trong thời hạn nói trên thì cơ quan Hải quan phải làm đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do. Nếu việc xin gia hạn có căn cứ thì Tòa án gia hạn một lần nhưng không quá 07 ngày.

b) Văn bản trình bày ý kiến của cơ quan Hải quan cần rõ ràng, dễ hiểu, tóm tắt được toàn bộ nội dung vụ việc, quá trình xử lý và trích dẫn cụ thể những căn cứ pháp lý mà cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan áp dụng để ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính.

c) Văn bản trình bày ý kiến có thể nộp trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi theo đường bưu điện.

5. Thực hiện việc khai hoặc tham gia lấy lời khai

a) Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tự viết bản khai về diễn biến, nội dung vụ việc, quá trình ban hành quyết định hành chính, hành vi hành chính và căn cứ pháp lý của quyết định hành chính mà mình ban hành, hành vi hành chính mà mình thực hiện, ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, các yêu cầu cụ thể của mình và các căn cứ pháp lý của các yêu cầu đó.

b) Trường hợp chưa có bản khai hoặc nội dung bản khai chưa đầy đủ, rõ ràng thì Thẩm phán sẽ tiến hành lấy lời khai, tập trung vào những tình tiết khai chưa đầy đủ, rõ ràng. Việc lấy lời khai có thể tiến hành tại trụ sở Tòa án hoặc ngoài trụ sở Tòa án.

c) Người được lấy lời khai phải đọc kỹ Biên bản ghi lời khai trước khi ký, có quyền ghi những sửa đổi, bổ sung vào Biên bản ghi lời khai và ký tên xác nhận.

6. Tham gia đối chất

a) Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng, Thẩm phán tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng hoặc giữa những người làm chứng với nhau.

b) Người tham gia đối chất phải đọc kỹ Biên bản đối chất trước khi ký, có quyền ghi những sửa đổi, bổ sung vào Biên bản và ký tên xác nhận.

7. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

a) Trong quá trình giải quyết vụ án, để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, bảo đảm việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án, theo yêu cầu của đương sự, Tòa án có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây:

a.1) Tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính;

a.2) Tạm dừng việc thực hiện hành vi hành chính;

a.3) Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định.

b) Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi mở phiên tòa do một Thẩm phán xem xét, quyết định. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại phiên tòa do Hội đồng xét xử xem xét, quyết định. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay.

c) Điều 74 Luật TTHC quy định các trường hợp thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trường hợp Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà phát sinh tình tiết quy định tại Khoản 2, Điều 74 Luật TTHC, nhưng Tòa án chưa ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời thì cơ quan Hải quan phải làm đơn gửi đến Tòa án có thẩm quyền đề nghị Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

d) Trường hợp cho rằng quyết định áp dụng, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc thông báo không hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là không đúng, làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý hải quan; cơ quan Hải quan có quyền khiếu nại với Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc thông báo của Thẩm phán về việc không hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; hoặc khiếu nại với Hội đồng xét xử về việc áp dụng, thay đổi, không hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại phiên tòa. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án hoặc Hội đồng xét xử là quyết định cuối cùng.

8. Tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại

a) Nhà nước khuyến khích việc đối thoại để các bên đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không tiến hành đối thoại được quy định tại Điều 135 Luật TTHC. Việc đối thoại được tiến hành tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại;

b) Tòa án thông báo cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp;

c) Tại phiên họp, cơ quan Hải quan cần theo dõi công bố của Thẩm phán về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của bên khởi kiện về phạm vi, yêu cầu khởi kiện và những nội dung khác liên quan đến vụ án; đối chiếu với hồ sơ hiện có của cơ quan Hải quan để kịp thời trình bày với Tòa án ý kiến, đề nghị của mình;

d) Sau khi tiến hành xong việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán tiến hành thủ tục đối thoại, phổ biến cho các đương sự biết những quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc đối thoại để các bên tự nguyện thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án.

đ) Khi đối thoại với người khởi kiện, cơ quan Hải quan cần tập trung vào những vấn đề còn mâu thuẫn, chưa thống nhất giữa cơ quan Hải quan và người khởi kiện. Cơ quan Hải quan cần trình bày rõ quan điểm của mình về căn cứ pháp lý và các nội dung liên quan làm cơ sở ra quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính; tập trung lắng nghe, tìm hiểu nguyên nhân, lý do khởi kiện; nghiên cứu kỹ các yêu cầu, nội dung của người khởi kiện về từng vấn đề mà họ nêu ra để tìm cơ sở pháp lý, tài liệu, chứng cứ giải thích rõ những nội dung mà cơ quan Hải quan đã thực hiện, hoặc chỉ ra những sai sót, vấn đề chưa phù hợp từ đó bác bỏ hoặc chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

e) Kết quả đối thoại được xử lý như sau:

e.1) Trường hợp qua đối thoại mà người khởi kiện tự nguyện rút đơn khởi kiện thì Thẩm phán lập biên bản về việc người khởi kiện tự nguyện rút đơn khởi kiện, ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện. Người khởi kiện được quyền khởi kiện lại vụ án nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

e.2) Trường hợp qua đối thoại mà cơ quan Hải quan cam kết sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quyết định bị khởi kiện hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện cam kết rút đơn khởi kiện thì Tòa án lập biên bản về việc cam kết của đương sự. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản, cơ quan Hải quan phải gửi cho Tòa án quyết định hành chính mới hoặc thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện phải gửi cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện. Sau khi nhận được văn bản rút đơn khởi kiện thì Tòa án phải thông báo cho cơ quan Hải quan biết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu cơ quan Hải quan không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ việc giải quyết vụ án. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; trường hợp có căn cứ cho rằng nội dung các bên đã thống nhất và cam

kết là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hoặc trái pháp luật, đạo đức xã hội thì cơ quan Hải quan có quyền kiến nghị với Tòa án để xem xét lại quyết định của Tòa theo thủ tục giám đốc thẩm;

e.3) Trường hợp qua đối thoại mà người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, cơ quan Hải quan vẫn giữ nguyên quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu thì cơ quan Hải quan cần chuẩn bị các nội dung liên quan để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

9. Các quyết định của Tòa án

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, căn cứ kết quả đối thoại và ứng xử của các bên liên quan, Tòa án có thể ra các quyết định sau đây:

a) Tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 141 Luật TTHC;

b) Đình chỉ giải quyết vụ án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 143 Luật TTHC;

c) Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trường hợp cho rằng Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án gây bất lợi cho cơ quan Hải quan thì cơ quan Hải quan thực hiện quyền kháng cáo hoặc yêu cầu kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm quy định tại khoản 1, Mục III, Phần II Bản hướng dẫn này.

II. THAM GIA PHIÊN TÒA SƠ THẨM

1. Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm

a) Đại diện cơ quan Hải quan với tư cách là đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải có mặt tại phiên tòa đúng thời gian, địa điểm theo giấy triệu tập của Tòa án.

b) Trường hợp Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất mà có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử sẽ hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

c) Trường hợp Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người đại diện tham gia phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt thì Tòa án vẫn xét xử vắng mặt.

2. Trình tự, thủ tục tham gia phiên tòa hành chính sơ thẩm

Phiên tòa hành chính sơ thẩm được tiến hành theo các bước cụ thể như sau:

a) Thủ tục bắt đầu phiên tòa: khai mạc phiên tòa; giải quyết yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng; hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu;

b) Tranh tụng tại phiên tòa: trình bày của đương sự; hỏi tại phiên tòa; công bố các tài liệu của vụ án; xem xét vật chứng; hỏi người giám định;

tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nghị án; ra quyết định hoặc bản án sơ thẩm; Hội đồng xét xử tuyên án.

2. Tham gia thủ tục khai mạc phiên tòa

a) Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, đại diện cơ quan Hải quan được Hội đồng xét xử yêu cầu trả lời về những câu hỏi có liên quan đến lý lịch của mình, nghe giải thích về quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự tại phiên tòa.

b) Trường hợp cơ quan Hải quan phát hiện người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch vi phạm các quy định tại các Điều 45, 46, 47, khoản 3 Điều 63 và khoản 3 Điều 64 Luật TTHC hoặc có căn cứ rõ ràng cho rằng họ không vô tư trong khi làm nhiệm vụ thì có quyền yêu cầu thay đổi những người đó để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

3. Tham gia tranh tụng tại phiên tòa

Tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc những người tham gia tố tụng trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án để bảo vệ quan điểm của mình.

a) Trình bày ý kiến của đương sự

a.1) Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung yêu cầu của đương sự, thông báo kết luận tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, những vấn đề cần tranh tụng, yêu cầu đương sự trình bày vấn đề chưa rõ, còn mâu thuẫn theo trình tự: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày trước, người khởi kiện bổ sung ý kiến; tiếp theo là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày, người bị kiện bổ sung ý kiến; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bổ sung ý kiến.

a.2) Trường hợp người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì họ tự trình bày.

a.3) Khi trình bày ý kiến của mình, cơ quan Hải quan căn cứ những tài liệu, chứng cứ của hồ sơ vụ việc đã được Tòa án kiểm tra, căn cứ nội dung khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện để nêu rõ ý kiến của mình đối với yêu cầu, đề nghị của người khởi kiện; yêu cầu, đề nghị của mình và các chứng cứ chính xác, sát thực, phù hợp với quy định của pháp luật để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Việc trình bày tại phiên tòa phải sử dụng ngôn ngữ trong sáng, ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu, tránh sử dụng câu từ trừu tượng, ngôn ngữ đời thường.

a.4) Cơ quan Hải quan cần phân công công chức theo dõi, ghi chép đầy đủ lời trình bày của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để phát hiện những tình tiết có sự mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế khách quan hoặc các chứng cứ khác của vụ án, những tình tiết chưa được làm rõ để điều chỉnh đề cương cho phần hỏi và chuẩn bị những câu hỏi mới.

b) Tham gia hỏi tại phiên tòa

b.1) Theo sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa thứ tự hỏi của từng người được thực hiện như sau:

- Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện hỏi trước, tiếp đến là người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Người tham gia tố tụng khác;
- Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân;
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

b.2) Khi thực hiện quyền hỏi cần chú ý một số nội dung cụ thể sau:

- Cần đặt những câu hỏi sắc bén, tập trung vào những vấn đề quan trọng của vụ án nhưng chưa được làm rõ, xoáy sâu vào những mâu thuẫn sao cho cho sự trả lời của người được hỏi sẽ có lợi cho mình. Câu hỏi phải rõ ràng, ngắn gọn, chính xác và không làm cho người được hỏi hiểu theo nhiều nghĩa. Tránh việc đặt câu hỏi quá chung chung, dài dòng hoặc không rõ đó là câu hỏi hay câu giải thích.

- Chỉ hỏi những vấn đề người được hỏi trình bày chưa rõ hoặc chưa đầy đủ, có mâu thuẫn với nhau hoặc có mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của mình (người bị kiện), người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này;

- Chỉ được hỏi người làm chứng sau khi được sự đồng ý của Chủ tọa phiên tòa;

- Khi hỏi người giám định, cơ quan Hải quan cần đưa ra những nhận xét về kết quả giám định, hỏi về những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn trong kết quả giám định với chứng cứ của vụ án. Cơ quan Hải quan có quyền yêu cầu Tòa giám định bổ sung hoặc giám định lại trong trường hợp không đồng ý với kết luận giám định được công bố tại phiên tòa.

b.3) Khi bị hỏi cần chú ý:

- Trả lời rõ ràng, chuẩn xác đúng yêu cầu câu hỏi, đặc biệt là trình bày một cách có hệ thống các ý kiến của mình, đưa ra lời trình bày, ý kiến, các tài liệu chứng cứ thống nhất với phần trình bày của mình trước đó.

- Các bên chỉ được hỏi cơ quan Hải quan các vấn đề mà cơ quan Hải quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này. Vì vậy, đại diện cơ quan Hải quan cần xem xét kỹ các ý kiến về nội dung mâu thuẫn, ghi chép nhanh các ý kiến phát biểu để trả lời, đồng thời đánh giá cụ thể nội dung

khởi kiện và vấn đề liên quan để chuẩn bị cho phần tranh luận, đối đáp bảo vệ quan điểm của mình.

b.4) Cơ quan có thể yêu cầu Hội đồng xét xử công bố các tài liệu của vụ án, cho nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, xem băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác lưu trữ âm thanh, hình ảnh tại phiên tòa nếu thấy cần thiết.

b.5) Khi Hội đồng xét xử kết thúc việc hỏi, đại diện cơ quan Hải quan, Kiểm sát viên, các đương sự khác, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác có quyền yêu cầu hỏi thêm; nếu xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ thì Chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc hỏi.

c) Tham gia tranh luận tại phiên tòa

c.1) Việc tranh luận, đối đáp tại phiên tòa diễn ra dưới sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa. Trình tự tiến hành tranh luận được thực hiện theo thứ tự: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày, người khởi kiện bổ sung ý kiến; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, tranh luận đối đáp, người bị kiện bổ sung ý kiến; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bổ sung ý kiến.

c.2) Khi tranh luận cơ quan Hải quan cần căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và kết quả việc hỏi tại phiên tòa để đưa ra các lập luận, căn cứ pháp luật phản bác lại ý kiến của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đáp lại ý kiến người khác, nêu các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính là đúng pháp luật.

c.3) Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Cơ quan Hải quan cần chú ý nghe quan điểm của Kiểm sát viên vì đây là một trong những nội dung, căn cứ mà Hội đồng xét xử có thể xem xét để ra bản án, quyết định.

d) Trong quá trình xét xử các bên đương sự có quyền đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để các bên đương sự tự đối thoại nhằm mục đích thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án.

đ) Sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Qua tranh luận hoặc qua nghị án, nếu xét thấy có tình tiết của vụ án chưa được xem xét, việc xét hỏi chưa đầy đủ hoặc cần xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận.

4. Tuyên án

Khi nghị án xong, Hội đồng xét xử quay trở lại phòng xử án và làm thủ tục tuyên án.

Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án có mặt các đương sự. Trường hợp đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án hoặc vắng mặt

theo quy định tại Khoản 5, Điều 191 Luật TTHC thì Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án. Trường hợp xử kín theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Luật TTHC thì Hội đồng xét xử chỉ tuyên công khai phần mở đầu và phần quyết định của bản án.

Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án và có thể giải thích thêm về việc thi hành bản án và quyền kháng cáo.

5. Thủ tục sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm

a) Cơ quan Hải quan được xem biên bản phiên tòa, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận.

b.2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên tòa, cơ quan Hải quan được Tòa án cấp trích lục bản án. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải cấp, gửi bản án cho cơ quan Hải quan, các đương sự khác và Viện kiểm sát cùng cấp.

b.3) Khi nhận được bản án sơ thẩm, nếu thấy phán quyết trong bản án, quyết định của Tòa án không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách, pháp luật của nhà nước về hải quan thì cơ quan Hải quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án cấp phúc thẩm theo hướng dẫn tại Khoản 1, Mục III, Phần này; có văn bản đề nghị Viện kiểm sát kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm (nếu thấy cần thiết).

Trường hợp xác định bản án, quyết định của Tòa sơ thẩm là đúng quy định pháp luật thì tổ chức thực hiện khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

III. THAM GIA THỦ TỤC PHÚC THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

1. Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án

a) Cơ quan Hải quan, người có thẩm quyền trong cơ quan Hải quan với tư cách là đương sự hoặc hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Cụ thể:

a.1) Đơn kháng cáo thực hiện theo mẫu số 24 – HC, ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

a.2) Việc ghi tên, địa chỉ của người kháng cáo trong trường hợp là tổ chức hoặc ủy quyền kháng cáo thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, Điều 205 Luật TTHC;

a.3) Trường hợp người kháng cáo là người đại diện theo ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án.

b) Người kháng cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tuyên án hoặc 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Trường hợp cơ quan Hải quan với tư cách là đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho cơ quan Hải quan hoặc được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có trụ sở của cơ quan Hải quan. Trường hợp đơn kháng cáo gửi qua bưu chính thì ngày kháng cáo được tính căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

c) Trường hợp đơn kháng cáo quá thời hạn quy định (gọi là kháng cáo quá hạn) vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì cơ quan Hải quan phải trình bày rõ lý do và xuất trình tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh lý do nộp đơn kháng cáo quá hạn là chính đáng theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm thành lập Hội đồng để xem xét kháng cáo quá hạn, cơ quan Hải quan khi tham gia phiên họp phải trình bày rõ ý kiến của mình về lý do kháng cáo quá hạn, nêu rõ các chứng cứ chứng minh cho lý do đó để Hội đồng xem xét. Quyết định về việc chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo quá hạn được Tòa án cấp phúc thẩm gửi cho người kháng cáo.

d) Đơn kháng cáo được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án cấp sơ thẩm về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Hết thời hạn này mà người kháng cáo không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thì được coi là từ bỏ việc kháng cáo.

Trường hợp sau khi hết hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo mới nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà không nêu lý do thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án phải có văn bản trình bày lý do chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm để đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp này được Tòa án xem xét xử lý theo thủ tục xem xét kháng cáo quá hạn nêu tại điểm c Khoản này.

đ) Trường hợp cơ quan Hải quan không kháng cáo nhưng nhận được thông báo của Tòa án, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm về việc bản án, quyết định hành chính sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị, cơ quan Hải quan có quyền gửi văn bản ghi ý kiến của mình về nội dung kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm. Văn bản ghi ý kiến được đưa vào hồ sơ vụ án.

2. Thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo

a) Trường hợp chưa hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 206 Luật TTHC thì cơ quan Hải quan có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo mà không bị giới hạn bởi phạm vi kháng cáo ban đầu.

b) Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, cơ quan Hải quan có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo nhưng không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nếu thời hạn kháng cáo đã hết; có quyết định rút kháng cáo.

c) Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo trước khi bắt đầu phiên tòa phải được thực hiện bằng văn bản và gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo tại phiên tòa được ghi vào biên bản phiên tòa.

3. Hậu quả của việc kháng cáo, kháng nghị

a) Phần của bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp pháp luật quy định được thi hành ngay.

b) Bản án, quyết định hoặc phần của bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Chuẩn bị tham gia phiên tòa phúc thẩm

Ngay sau nhận được thông báo của Tòa án cấp phúc thẩm về việc thụ lý vụ án, cơ quan Hải quan cần thực hiện một số công việc sau để tham gia phiên tòa phúc thẩm:

a) Cơ quan Hải quan tổ chức cuộc họp giữa các đơn vị nghiệp vụ có liên quan và những người đã tham gia trực tiếp phiên tòa hành chính sơ thẩm để nhận định, đánh giá những mặt đã làm được, cũng như hạn chế, thiếu sót khi tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm; từ đó đưa ra những định hướng trong việc củng cố hồ sơ, tài liệu, bổ sung các căn cứ, lập luận có liên quan để chuẩn bị tham gia tố tụng tại phiên tòa hành chính phúc thẩm.

b) Nghiên cứu rà soát lại hồ sơ vụ việc, thu thập các chứng cứ mới để giao nộp cho Tòa án và bổ sung chứng cứ theo quy định tại Điều 219, Điều 227 Luật TTHC.

c) Chuẩn bị phương án tham gia tố tụng như nêu tại Khoản 3, Mục I Phần này.

d) Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tham gia tố tụng; nếu có vướng mắc phát sinh thì báo cáo bằng văn bản tới cơ quan cấp trên trực tiếp của mình để xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ làm cơ sở cho việc tham gia tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

5. Tham gia phiên tòa phúc thẩm

a) Đại diện cơ quan Hải quan với tư cách là người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được triệu tập tham gia phiên tòa; nếu được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt thì Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Nếu được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà cơ quan Hải quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng thì:

- Với tư cách người kháng cáo mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

- Với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

b) Thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục công bố tài liệu, xem xét vật chứng tại phiên tòa phúc thẩm, nghị án và tuyên án, sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm được thực hiện tương tự thủ tục xét xử sơ thẩm.

c) Nội dung và phương thức tham gia tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện tương tự như hướng dẫn tại Khoản 3, Mục II, Phần này. Thứ tự trình bày, tranh luận tại phiên tòa được quy định tại các Điều 237, 239 Luật TTHC. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chỉ được tranh luận về những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm và đã được hỏi tại phiên tòa phúc thẩm.

d) Tại phiên tòa phúc thẩm nếu cơ quan Hải quan thỏa thuận được với người khởi kiện để hai bên tham gia đối thoại thì có quyền đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để các bên tự đối thoại.

6. Tham gia phiên họp phúc thẩm đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm

a) Tòa án cấp phúc thẩm tổ chức phiên họp để ra quyết định giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

b) Cơ quan Hải quan với tư cách là người kháng cáo được mời tham gia phiên họp, trình bày ý kiến về việc kháng cáo. Nếu người đại diện của cơ quan Hải quan vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên họp.

7. Thực hiện thủ tục sau phiên tòa phúc thẩm

Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án hoặc ra quyết định. Vì vậy, khi Tòa án tuyên án hoặc ra quyết định thì cơ quan Hải quan có trách nhiệm thi hành bản án, quyết định ngay.

Việc thực hiện bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa phúc thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại Phần III Bản hướng dẫn này. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra bản án, quyết định phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm gửi bản án, quyết định phúc thẩm cho các đương sự và cơ quan cấp trên trực tiếp của người bị kiện.

Nếu thấy bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm không đúng quy định của pháp luật thì cơ quan Hải quan có quyền làm đơn kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng dẫn nêu tại Mục V Phần này.

IV. THAM GIA TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

1. Tham gia phiên tòa sơ thẩm theo thủ tục rút gọn

a) Tòa án sơ thẩm có thể áp dụng thủ tục rút gọn trong tổ tụng hành chính khi có các điều kiện theo quy định tại Điều 246 Luật TTHC để giải quyết các vụ án hành chính nhằm rút ngắn về thời gian và thủ tục so với thủ tục giải quyết vụ án hành chính thông thường nhưng vẫn bảo đảm giải quyết vụ án đúng pháp luật.

b) Trường hợp xét thấy vụ án không đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn hoặc việc áp dụng thủ tục rút gọn gây bất lợi cho cơ quan Hải quan thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đưa vụ án ra giải quyết theo thủ tục rút gọn của Tòa án, cơ quan Hải quan có quyền khiếu nại với Chánh án Tòa án đã ra quyết định.

c) Trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 249 Luật TTHC. Cơ quan Hải quan tham gia các thủ tục đối thoại, trình bày, tranh luận, đối đáp, đưa ra quan điểm của mình như nêu tại Khoản 3 Mục II Phần này.

d) Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án theo thủ tục rút gọn có thể bị kháng cáo, kháng nghị để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo thủ tục rút gọn. Trường hợp không đồng ý với kết luận của bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục rút gọn, Cơ quan Hải quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án.

2. Tham gia phiên tòa phúc thẩm theo thủ tục rút gọn

a) Việc xét xử phúc thẩm vụ án hành chính theo thủ tục rút gọn do một Thẩm phán thực hiện.

b) Trường hợp đương sự đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt thì Thẩm phán vẫn tiến hành phiên tòa.

c) Cơ quan Hải quan trình bày việc kháng cáo, tranh luận, đối đáp, đề xuất ý kiến của mình như nêu tại Khoản 3 Mục II Phần này.

d) Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra bản án, quyết định.

V. THAM GIA THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM

1. Thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

a) Tòa án thực hiện thủ tục giám đốc thẩm để xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án hành chính.

b) Tòa án tiến hành thủ tục tái thẩm để xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có những tình tiết mới được phát hiện có khả năng làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án, quyết định mà tòa án, đương sự không biết được khi tòa án ra bản án, quyết định đó.

2. Thủ tục đề nghị giám đốc thẩm

Cơ quan Hải quan có trách nhiệm nghiên cứu các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trường hợp phát hiện có các căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 255 Luật TTHC thì kịp thời kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm xem xét kháng nghị. Cụ thể như sau:

a) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu phát hiện ra một trong các căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm thì gửi văn bản tới người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại

Điều 260 Luật TTHC để đề nghị xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

b) Đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm thực hiện theo mẫu số 01, ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-TANDETC-VKSNDTC ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao của Luật TTHC. Đơn đề nghị phải được gửi kèm theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh cho yêu cầu đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm là có căn cứ;

c) Cơ quan Hải quan được quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, nếu những tài liệu, chứng cứ đó chưa được Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu cơ quan Hải quan giao nộp hoặc đã yêu cầu giao nộp nhưng cơ quan Hải quan không giao nộp được vì có lý do chính đáng hoặc những tài liệu, chứng cứ mà cơ quan Hải quan không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án;

d) Trong quá trình đề nghị kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nếu xét thấy cần thiết, cơ quan Hải quan có văn bản đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị hoãn thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

3. Thủ tục đề nghị tái thẩm

Cơ quan Hải quan khi phát hiện có tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung bản án, quyết định của Tòa án mà cơ quan Hải quan không biết được khi Tòa án ra bản án, quyết định đó thì có quyền đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị xem xét, kháng nghị theo thủ tục tái thẩm. Cụ thể:

a) Đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-TANDETC-VKSNDTC ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Đơn đề nghị được gửi đến người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định tại Điều 283 Luật TTHC.

4. Tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm

a) Khi xét thấy cần thiết, Tòa án triệu tập cơ quan Hải quan, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan Hải quan tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm. Trường hợp người được triệu tập vắng mặt thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vẫn tiến hành phiên tòa.

b) Cơ quan Hải quan được Tòa án triệu tập đến phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm trình bày ý kiến về những vấn đề mà Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm yêu cầu. Trường hợp vắng mặt thì phải có văn bản trình bày ý kiến của mình.

c) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm ra quyết định.

Phần III

THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ VIỆC THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Những bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính được thi hành bao gồm:

a) Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật;

b) Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm;

c) Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án;

d) Quyết định theo thủ tục đặc biệt của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tại Điều 296 Luật TTHC;

đ) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án mặc dù có khiếu nại, kiến nghị.

2. Quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc thi hành án

a) Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

b) Người đứng đầu cơ quan Hải quan phải thi hành án có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án trong thời hạn pháp luật quy định; thi hành đúng, đầy đủ nội dung bản án, quyết định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp về việc không chấp hành, chấp hành không đúng hoặc không đầy đủ nội dung bản án, quyết định của Tòa án.

c) Người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc và xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

1. Thi hành bản án, quyết định của Tòa án

Việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án thực hiện như sau:

a) Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính thì các bên đương sự phải tiếp tục thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật. Cơ quan Hải quan có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định hành chính có hiệu lực theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án đã hủy toàn bộ hoặc một phần quyết định hành chính thì quyết định hoặc phần quyết định bị hủy không còn hiệu lực. Cơ quan Hải quan phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo nội dung bản án, quyết định của Tòa để thi hành. Trường hợp quyết định đó đã được thi hành toàn bộ hoặc một phần thì cơ quan đã ban hành quyết định hành chính đó phải thực hiện các biện pháp để khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án đã tuyên bố hành vi hành chính đã thực hiện là trái pháp luật thì cơ quan Hải quan, người đã thực hiện hành vi hành chính phải chấm dứt hành vi hành chính đó, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án. Việc chấm dứt thực hiện hành vi hành chính phải được lập thành biên bản, có chứng kiến và chữ ký của Chấp hành viên;

d) Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ là trái pháp luật thì cơ quan Hải quan, người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án.

đ) Trường hợp Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cơ quan Hải quan phải thi hành ngay sau khi nhận được quyết định.

2. Thời hạn thi hành án

a) Thời hạn tự nguyện thi hành án đối với bản án, quyết định của Tòa án nêu tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Mục này là 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án. Đối với quyết định của Tòa án nêu tại điểm đ Khoản 1 Mục này thì phải thi hành ngay kể từ khi nhận được Quyết định.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án quy định tại điểm a Khoản này, cơ quan phải thi hành án phải thông báo bằng văn bản về tình hình, kết quả thi hành án cho Tòa án đã xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát và cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp với Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án đó, đồng thời báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp và Tổng cục Hải quan (qua Vụ Pháp chế) theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Bản hướng dẫn này.

c) Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành bản án, quyết định của Tòa án trong thời hạn quy định, Tòa án có thể ra quyết định buộc thi hành án, cơ quan phải thi hành án có trách nhiệm thi hành ngay bản án, quyết định của Tòa án. Người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan phải thi hành án có trách nhiệm ban hành văn bản chỉ đạo người phải thi hành án nghiêm chỉnh chấp hành bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp người phải thi hành án vẫn không chấp hành hoặc chấp hành không đúng, đầy đủ nội dung bản án, quyết định của Tòa án thì người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp có văn bản chỉ đạo về việc xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan phải thi hành án. Các văn bản chỉ đạo này phải được

gửi cho Tòa án đã ra quyết định buộc thi hành án hành chính, Viện kiểm sát và cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành xong bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan phải thi hành án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả thi hành án cho các cơ quan như nêu tại Điểm b Khoản này.

3. Xử lý vi phạm trong thi hành án hành chính

a) Công chức, viên chức Hải quan có hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

b) Cơ quan Hải quan, công chức, viên chức Hải quan cố ý không chấp hành án hoặc cản trở thi hành án thì tùy từng trường hợp mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường Nhà nước, pháp luật về dân sự.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng đơn vị Hải quan các cấp thường xuyên chỉ đạo cán bộ, công chức thuộc quyền cập nhật, nghiên cứu các văn bản pháp luật và các văn bản hành chính làm cơ sở tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật. Ban hành quyết định hành chính phải đảm bảo chính xác, đầy đủ nội dung, đúng thể thức, theo quy định của pháp luật; hành vi hành chính phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và của Ngành, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc khiếu nại, tố cáo hoặc phát sinh khởi kiện vụ án hành chính.

Cơ quan Hải quan các cấp cần thường xuyên tiến hành tự kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, nếu thấy có sai sót, không đúng quy định của pháp luật thì kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh phát sinh khiếu nại, khiếu kiện hành chính tại Tòa án.

Các đơn vị cần chủ động, tích cực tiến hành đối thoại, giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp, người vi phạm trước, trong và sau khi ra quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính; chú trọng công tác giải quyết khiếu nại để hạn chế các vụ việc bị khởi kiện ra Tòa án.

2. Đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Lãnh đạo Hải quan các cấp khi cơ quan Hải quan tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án, được thực hiện như sau:

a) Tại cơ quan Tổng cục.

a.1) Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm:

- Tham mưu giúp lãnh đạo Tổng cục chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trong toàn Ngành về việc tham mưu giải quyết các vụ án hành chính tại Tòa án theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong Tổng cục xác định nội dung, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến tố tụng hành chính tại Tòa án đối với những vụ án liên quan đến Tổng cục.

- Trợ giúp pháp lý cho các đơn vị trong ngành Hải quan khi tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án khi có yêu cầu.

a.2) Các Vụ, Cục nghiệp vụ thuộc cơ quan Tổng cục

Các đơn vị nghiệp vụ thuộc cơ quan Tổng cục là đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm về nội dung, chuyên môn, nghiệp vụ liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị khi được yêu cầu; có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế để tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục chỉ đạo toàn Ngành thực hiện tốt công tác này.

2.2. Tại Cục Hải quan các tỉnh, thành phố

Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm hoặc bộ phận tham mưu xử lý vi phạm thuộc Phòng Nghiệp vụ hoặc đơn vị có chức năng pháp chế của Cục Hải quan tỉnh, thành phố là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu giúp Lãnh đạo Cục; hỗ trợ các Chi cục Hải quan, Đội kiểm soát Hải quan về thủ tục tố tụng hành chính tại Tòa án; đầu mối theo dõi về các vụ án hành chính phát sinh tại cục và kiểm tra, đôn đốc việc thi hành án hành chính. Các đơn vị khác thuộc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tham mưu, đề xuất cho Lãnh đạo Cục những nội dung về chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia tố tụng theo phân công của Lãnh đạo Cục.

3. Trong quá trình thực hiện, khi phát sinh vụ án hành chính phức tạp, nếu có vấn đề vướng mắc và thấy cần thiết, các đơn vị kịp thời báo cáo bằng văn bản và sao gửi hồ sơ vụ việc về Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn, trợ giúp khi tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án.

4. Chế độ báo cáo

a) Đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục nơi phát sinh vụ việc khiếu kiện có trách nhiệm:

a.1) Báo cáo việc khiếu kiện và kết quả giải quyết vụ án hành chính về Tổng cục Hải quan, cụ thể như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án, đơn vị báo cáo tóm tắt nội dung vụ việc, việc khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện, việc thụ lý của Tòa án;

- Trước ngày 5 hàng tháng, đơn vị có trách nhiệm báo cáo diễn biến quá trình giải quyết vụ án phát sinh trong tháng.

Việc báo cáo được thực hiện cho đến khi kết thúc vụ án. Nội dung báo cáo theo mẫu số 01 đính kèm Bản hướng dẫn này.

a.2) Báo cáo việc thi hành án theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2, Mục II, Phần III Bản hướng dẫn này.

b) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục có trách nhiệm định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thi hành án hành chính. Cụ thể:

- Báo cáo 6 tháng:

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 10 tháng 4;

Thời điểm lấy số liệu: Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm báo cáo.

- Báo cáo năm:

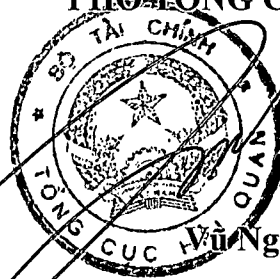
Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 10 tháng 10;

Thời điểm lấy số liệu: từ ngày 01 tháng 4 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm báo cáo.

- Nội dung báo cáo theo mẫu số 03 kèm theo Bản hướng dẫn này.

c) Nơi nhận báo cáo: Tổng cục Hải quan (Vụ Pháp chế), bản điện tử gửi theo địa chỉ email: vupc@customs.gov.vn.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Vũ Ngọc Anh

Mẫu số 03 (ban hành kèm theo Bản hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục
tham gia tổ tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan)

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Đơn vị:

Báo cáo kết quả thi hành án vụ án hành chính
(Từ ngày ... đến hết ngày...)

STT	Bị đơn	Nguyên đơn	Bản án Quyết định	Kết quả thi hành án			Ghi chú
				Đã thi hành xong	Đang thi hành	Chưa thi hành	
01	Tên đơn vị bị khởi kiện	Họ tên, địa chỉ người khởi kiện	- Số, ngày, tháng, năm Bản án, (quyết định) có hiệu lực pháp luật phải thi hành - Nội dung bản án, quyết định phải thi hành	Ngày, tháng, năm thi hành xong	Ngày, tháng, năm thi hành án	Lý do chưa thi hành	

Nơi nhận:

Lãnh đạo đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02 (ban hành kèm theo Bản hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục
tham gia tổ tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan)

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thi hành vụ án hành chính

Đơn vị (tên đơn vị phải thi hành vụ án hành chính) báo cáo kết quả thi hành án vụ án hành chính như sau:

I. Nội dung vụ việc:

- Người khởi kiện:
- Người bị kiện:
- Tóm tắt nội dung vụ kiện:
- Số, ngày, tháng, năm của Bản án quyết định có hiệu lực pháp luật; nội dung của Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật phải tổ chức thi hành.

II. Kết quả thi hành án:

- Thời hạn phải thi hành án:
- Kết quả thi hành án:
 - + Đã thi hành xong ngày... tháng... năm....;
 - + Nội dung đang thi hành, lý do;
 - + Nội dung chưa thi hành, lý do.
- Các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành án (nếu có)

III. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Lãnh đạo đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-
- Lưu:

Mẫu số 01 (ban hành kèm theo Bản hướng dẫn nội bộ về trình tự, thủ tục
tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án của cơ quan Hải quan)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Đơn vị:

Số: _____

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thi hành vụ án hành chính

Đơn vị (tên đơn vị phát sinh vụ án hành chính) đã phát sinh vụ án hành chính do cá nhân/tổ chức..... khởi kiện đơn vị như sau:

I. Nội dung vụ việc

- Người khởi kiện:
- Người bị kiện:
- Nội dung khởi kiện: tóm tắt nội dung vụ việc, quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và yêu cầu của người khởi kiện.

II. Diễn biến và kết quả giải quyết vụ án (báo cáo theo từng nội dung phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án)

- Thụ lý vụ án: Số, ngày, tháng năm Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.
- Kết quả đối thoại: Thời gian đối thoại, kết quả đối thoại
- Kết quả xét xử sơ thẩm: Ngày xét xử; Số, ngày, tháng, năm, nội dung của Bản án, quyết định
- Kháng cáo: Ngày, tháng, năm, nội dung kháng cáo
- Kết quả xét xử phúc thẩm: Ngày xét xử; Số, ngày, tháng, năm, nội dung của Bản án, quyết định
- Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm: Ngày, tháng năm, nội dung đề nghị
- Kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm: Ngày tháng năm, nội dung kháng nghị
- Kết quả xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm: Ngày, tháng, năm, nội dung quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

III. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Lãnh đạo đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-.....;

-.....;

- Lưu: